

## **PHỤ LỤC**

### **GIẢI THÍCH PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 03/CG**

#### **I. Thông tin chung**

1. Tên chuyên gia: Ghi tên chuyên gia bằng chữ in hoa.
2. Đơn vị công tác: Ghi tên của đơn vị công tác của chuyên gia.
3. Địa chỉ: Ghi địa chỉ liên hệ của chuyên gia (nhà riêng hoặc địa chỉ cơ quan).
4. Số điện thoại, địa chỉ email: Địa chỉ email của chuyên gia hoặc bộ phận chịu trách nhiệm chính thực hiện phiếu điều tra.
5. Kỳ báo cáo:
  - Kỳ 1: 6 tháng đầu năm ....., ký hiệu H1/Năm ....
  - Kỳ 2: 6 tháng cuối năm ....., ký hiệu H2/Năm ....

Ví dụ: Kỳ 1: 6 tháng đầu năm 2026 là H1/2026, Kỳ 2: 6 tháng cuối năm 2026 là H2/2026.

#### **II. Nội dung phiếu điều tra**

1. Ổn định tài chính là trạng thái trong đó hệ thống tài chính, bao gồm thị trường tài chính, các định chế tài chính và hạ tầng tài chính, hoạt động thông suốt và hiệu quả, thực hiện đầy đủ các chức năng cơ bản của mình. Ở trạng thái ổn định, hệ thống tài chính có khả năng nhận diện, hấp thụ và ứng phó hiệu quả với các cú sốc trong và ngoài nước, hạn chế sự tích tụ và lan truyền rủi ro, qua đó giảm thiểu nguy cơ phát sinh rủi ro mang tính hệ thống. Sự ổn định của hệ thống tài chính góp phần duy trì niềm tin thị trường, hỗ trợ phân bổ nguồn lực hiệu quả và thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

2. Rủi ro hệ thống tài chính là rủi ro phát sinh trong hệ thống tài chính có khả năng gây gián đoạn nghiêm trọng hoạt động của một phần lớn hoặc toàn bộ hệ thống tài chính, làm suy giảm khả năng cung ứng các dịch vụ tài chính thiết yếu cho nền kinh tế và có thể gây tác động tiêu cực lan tỏa sang khu vực kinh tế thực (*tham khảo tại Bảng 1*).

Rủi ro hệ thống tài chính thường có các đặc điểm chủ yếu sau:

(i) Phạm vi tác động rộng: Rủi ro không chỉ ảnh hưởng đến một tổ chức, một thị trường hoặc một phân khúc riêng lẻ mà có khả năng tác động đồng thời tới nhiều định chế tài chính, thị trường tài chính hoặc hạ tầng tài chính.

(ii) Khả năng lan truyền cao: Rủi ro có thể khởi phát từ một tổ chức hoặc một khu vực cụ thể nhưng nhanh chóng lan truyền sang các tổ chức, khu vực khác

trong hệ thống tài chính thông qua các mối liên kết tài chính, tâm lý thị trường hoặc kênh truyền dẫn kinh tế – tài chính.

(iii) Tính tích tụ theo thời gian: Rủi ro hệ thống thường hình thành thông qua quá trình tích tụ kéo dài của các mất cân đối tài chính, khi các rủi ro cục bộ không được nhận diện và xử lý kịp thời, dẫn đến gia tăng mức độ dễ tổn thương của hệ thống.

(iv) Tác động tiêu cực đến kinh tế vĩ mô: Khi rủi ro hệ thống hiện thực hóa, các chức năng cơ bản của hệ thống tài chính có thể bị gián đoạn, làm suy giảm tăng trưởng kinh tế, gia tăng bất ổn kinh tế vĩ mô và ảnh hưởng đến niềm tin của thị trường và công chúng.

### 3. Cú sốc khủng hoảng tài chính

Cú sốc khủng hoảng tài chính là hiện tượng xảy ra khi hệ thống tài chính và thị trường tài chính chịu tác động nghiêm trọng, làm suy giảm hoặc gián đoạn các chức năng cơ bản của hệ thống tài chính, có thể lan sang nền kinh tế thực, gây suy thoái kinh tế, gia tăng thất nghiệp và giảm thu nhập (*tham khảo tiêu chí tại Bảng 2*).

- *Xác suất xảy ra cú sốc khủng hoảng ở mức “Thấp”*: Khả năng xảy ra cú sốc khủng hoảng thấp trong giai đoạn đánh giá.

*Đặc điểm nhận diện*: Rủi ro hệ thống ở mức thấp, chủ yếu mang tính cục bộ; Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và tài chính ổn định; Các chỉ tiêu an toàn tài chính như thanh khoản, an toàn vốn và chất lượng tài sản được duy trì tốt; Hệ thống tài chính hoạt động thông suốt; Không xuất hiện dấu hiệu lan truyền rủi ro; Niềm tin thị trường ở mức cao; Dự địa chính sách kinh tế vĩ mô dồi dào.

- *Xác suất xảy ra cú sốc khủng hoảng ở mức “Khá thấp”*: Khả năng xảy ra cú sốc khủng hoảng khá thấp trong giai đoạn đánh giá.

*Đặc điểm nhận diện*: Một số yếu tố rủi ro đã bắt đầu xuất hiện tại một số khu vực của hệ thống tài chính nhưng chủ yếu mang tính cục bộ; Rủi ro chưa tích tụ đáng kể và chưa có dấu hiệu lan truyền rủi ro rõ rệt giữa các tổ chức tài chính trong hệ thống tài chính và giữa hệ thống tài chính với khu vực kinh tế thực; Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và tài chính nhìn chung vẫn ổn định; Các chỉ tiêu an toàn tài chính chịu áp lực gia tăng; Hệ thống tài chính tiếp tục hoạt động thông suốt; Niềm tin thị trường cơ bản ổn định; Chính sách kinh tế vĩ mô còn dư địa để ứng phó với các cú sốc thông thường.

- *Xác suất xảy ra cú sốc khủng hoảng ở mức “Trung bình”*: Khả năng xảy ra cú sốc khủng hoảng ở mức trung bình trong giai đoạn đánh giá.

*Đặc điểm nhận diện:* Các yếu tố rủi ro đã tích tụ ở nhiều khu vực của hệ thống tài chính; Phạm vi rủi ro mở rộng hơn và xuất hiện một số yếu tố bất định trong và ngoài nước; bắt đầu xuất hiện lan truyền rủi ro giữa một số tổ chức tài chính trong hệ thống tài chính và giữa hệ thống tài chính với khu vực kinh tế thực; Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và an toàn tài chính có dấu hiệu suy giảm; hệ thống tài chính vẫn duy trì hoạt động nhưng chịu áp lực gia tăng; Niềm tin thị trường có xu hướng dao động; Dự địa chính sách kinh tế vĩ mô bắt đầu thu hẹp.

- *Xác suất xảy ra cú sốc khủng hoảng ở mức “Khá cao”:* Khả năng xảy ra cú sốc khủng hoảng ở mức khá cao trong giai đoạn đánh giá.

*Đặc điểm nhận diện:* Rủi ro đối với hệ thống tài chính đã tích tụ đáng kể và mang tính hệ thống hơn; Lan truyền rủi ro diễn ra rõ rệt giữa các tổ chức tài chính trong hệ thống tài chính và giữa hệ thống tài chính với khu vực kinh tế thực; Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và an toàn tài chính suy giảm rõ rệt hơn; Một số tổ chức tín dụng hoặc khu vực thị trường trở nên dễ bị tổn thương; Hoạt động của hệ thống tài chính chịu áp lực gia tăng; Niềm tin thị trường suy giảm; Dự địa chính sách kinh tế vĩ mô bị thu hẹp đáng kể.

- *Xác suất xảy ra cú sốc khủng hoảng ở mức “Cao”:* Khả năng xảy ra cú sốc khủng hoảng ở mức cao và đáng lo ngại trong giai đoạn đánh giá.

*Đặc điểm nhận diện:* Rủi ro đối với hệ thống tài chính đã tích tụ lớn và mang tính hệ thống; Lan truyền rủi ro giữa các tổ chức tài chính trong hệ thống tài chính và giữa hệ thống tài chính với khu vực kinh tế thực diễn ra ở diện rộng, khó kiểm soát; Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và tài chính suy giảm nghiêm trọng, thanh khoản, an toàn vốn và chất lượng tài sản chịu áp lực lớn trên diện rộng; Hệ thống tài chính đối mặt với căng thẳng lớn về thanh khoản và an toàn vốn; nguy cơ gián đoạn hoạt động của thị trường tài chính gia tăng; Niềm tin thị trường suy giảm mạnh; Dự địa chính sách kinh tế vĩ mô bị thu hẹp nghiêm trọng.

4. Đánh giá về sự ổn định của hệ thống tài chính trước các cú sốc trong và ngoài nước:

Việc đánh giá mức độ ổn định của hệ thống tài chính được thực hiện trên cơ sở xem xét tổng hợp khả năng chống chịu trước các cú sốc, tình trạng các chỉ tiêu an toàn tài chính và kinh tế vĩ mô, mức độ lan truyền rủi ro, trạng thái vận hành của thị trường tài chính, niềm tin thị trường và dự địa chính sách kinh tế vĩ mô. Các mức độ ổn định được xác định như sau (*tham khảo tiêu chí tại Bảng 3*):

- *Mức “Rất ổn định”:* Hệ thống tài chính có khả năng chống chịu rất tốt, có thể hấp thụ hiệu quả các cú sốc lớn trong nước và quốc tế mà không gây gián đoạn các chức năng của thị trường tài chính.

*Đặc điểm nhận diện:* Rủi ro trong hệ thống ở mức thấp, mang tính cục bộ, không có dấu hiệu lan truyền và không hình thành rủi ro mang tính hệ thống. Các chỉ tiêu an toàn tài chính và kinh tế vĩ mô được duy trì ở mức rất tốt và ổn định trong thời gian dài; hệ thống tài chính vận hành thông suốt. Thị trường tài chính hoạt động ổn định, niềm tin của nhà đầu tư và công chúng ở mức cao. Chính sách tiền tệ và tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt, phối hợp hiệu quả và còn dư địa lớn để ứng phó với các cú sốc trong và ngoài nước.

- *Mức “Ổn định”:* Hệ thống tài chính có khả năng chống chịu tốt, có thể hấp thụ các cú sốc trong nước và quốc tế mà không gây gián đoạn đáng kể các chức năng của thị trường tài chính.

*Đặc điểm nhận diện:* Rủi ro trong hệ thống chủ yếu mang tính cục bộ, chưa hình thành rủi ro mang tính hệ thống và khả năng lan truyền còn hạn chế. Các chỉ tiêu an toàn tài chính và kinh tế vĩ mô nhìn chung được duy trì ổn định; thanh khoản và an toàn vốn được đảm bảo. Hệ thống tài chính vận hành tương đối thông suốt, có thể xuất hiện các biến động ngắn hạn nhưng chưa gây tác động lan tỏa rộng. Thị trường tài chính duy trì trạng thái ổn định, niềm tin của nhà đầu tư và công chúng cơ bản được giữ vững. Chính sách tiền tệ và tài khóa còn dư địa để ứng phó với các cú sốc thông thường.

- *Mức “Bình thường”:* Hệ thống tài chính duy trì khả năng chống chịu ở mức vừa phải, có thể hấp thụ các cú sốc trong nước và quốc tế ở mức trung bình, nhưng dễ bị tổn thương hơn nếu rủi ro tiếp tục tích tụ hoặc xảy ra cú sốc mạnh.

*Đặc điểm nhận diện:* Rủi ro đã xuất hiện tại nhiều khu vực của hệ thống tài chính, mức độ tác động và khả năng xảy ra ở mức trung bình, tiềm ẩn nguy cơ lan truyền. Các chỉ tiêu an toàn tài chính và kinh tế vĩ mô cơ bản vẫn được duy trì, tuy nhiên các bộ đệm vốn và thanh khoản chưa thực sự vững chắc và có xu hướng mỏng dần. Hệ thống tài chính có thể xuất hiện các biến động rõ hơn; thị trường tài chính nhạy cảm hơn trước các thông tin bất lợi, niềm tin thị trường dao động. Dư địa chính sách tiền tệ và tài khóa bắt đầu thu hẹp, đòi hỏi việc điều hành phải thận trọng và kịp thời.

- *Mức “Kém ổn định”:* Hệ thống tài chính ở trạng thái dễ bị tổn thương, trong đó các cú sốc trong nước và quốc tế có thể nhanh chóng gây ảnh hưởng lan rộng nếu không có biện pháp ứng phó mạnh và kịp thời.

*Đặc điểm nhận diện:* Rủi ro trong hệ thống gia tăng và mang tính hệ thống hơn, xuất hiện lan truyền rủi ro rõ rệt giữa các khu vực của hệ thống tài chính. Các chỉ tiêu an toàn tài chính và kinh tế vĩ mô có biểu hiện suy yếu; chất lượng tài sản, thanh khoản hoặc an toàn vốn chịu áp lực rõ rệt. Hoạt động của thị trường tài chính chịu tác động tiêu cực, niềm tin của nhà đầu tư và công chúng suy giảm. Dư địa chính sách tiền tệ và tài khóa bị thu hẹp đáng kể, làm giảm khả năng ứng phó hiệu quả với các cú sốc.

- *Mức “Rất kém ổn định”*: Hệ thống tài chính ở trạng thái rất dễ tổn thương, trong đó ngay cả các cú sốc trong nước và quốc tế nhỏ cũng có thể dẫn đến mất ổn định nghiêm trọng.

*Đặc điểm nhận diện*: Rủi ro mang tính hệ thống đã hình thành rõ rệt và lan truyền mạnh giữa các khu vực của hệ thống tài chính; Các chỉ tiêu an toàn tài chính và kinh tế vĩ mô suy giảm nghiêm trọng trên diện rộng, xuất hiện mất cân đối lớn về thanh khoản hoặc vốn; Hoạt động của thị trường tài chính có nguy cơ bị gián đoạn nghiêm trọng, niềm tin của nhà đầu tư và công chúng suy giảm nghiêm trọng; Dư địa chính sách tiền tệ và tài khóa rất hạn chế, nguy cơ xảy ra khủng hoảng tài chính ở mức cao nếu không có biện pháp can thiệp quyết liệt và kịp thời./.

## **Bảng 1: DANH SÁCH CÁC RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ ỔN ĐỊNH CỦA HỆ THỐNG TÀI CHÍNH**

Dưới đây là một số ví dụ về các rủi ro có thể ảnh hưởng tới sự ổn định của hệ thống tài chính, được phân loại theo nguồn gốc phát sinh rủi ro để đối tượng điều tra lựa chọn cho mục II.1. **Các rủi ro chính đối với hệ thống tài chính Việt Nam** trong kỳ điều tra. Danh mục này không nhằm liệt kê đầy đủ các rủi ro có thể xảy ra, mà chỉ mang tính tham khảo, định hướng để hỗ trợ chuyên gia trong quá trình nhận diện, lựa chọn và đánh giá rủi ro khi trả lời phiếu điều tra.

Khi trả lời các câu hỏi liên quan đến nhận diện và xếp hạng rủi ro, chuyên gia có thể lựa chọn các rủi ro phù hợp với bối cảnh đánh giá, mức độ tác động và khả năng xảy ra, đồng thời có thể bổ sung các rủi ro khác nếu xét thấy cần thiết.

### **Lưu ý:**

- Việc đánh giá rủi ro cần được thực hiện trên cơ sở **bối cảnh kinh tế – tài chính tại thời điểm điều tra**, không mặc định áp dụng cho mọi kỳ điều tra.
- Chuyên gia được khuyến khích **giải thích rõ lý do lựa chọn** để phản ánh đầy đủ nhận định và đánh giá chuyên môn.

| <b>Mã số</b> | <b>Tên các rủi ro</b>                                                                             |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>     | <b>Các rủi ro bên trong</b>                                                                       |
| 01.          | Triển vọng tăng trưởng kinh tế trong nước xấu đi                                                  |
| 02.          | Lạm phát trong nước tăng cao                                                                      |
| 03.          | Biến động lãi suất trong nước                                                                     |
| 04.          | Biến động tỷ giá                                                                                  |
| 05.          | Bất ổn thị trường bất động sản (thanh khoản sụt giảm, khó khăn của bất động sản...)               |
| 06.          | Bất ổn thị trường vốn (thanh khoản sụt giảm, mất niềm tin vào thị trường cổ phiếu, trái phiếu...) |
| 07.          | Rủi ro vỡ nợ của hộ gia đình/doanh nghiệp và nợ xấu ngân hàng tăng cao                            |
| 08.          | Khó khăn trong huy động vốn của ngân hàng                                                         |
| 09.          | Thâm hụt ngân sách quốc gia                                                                       |
| 10.          | Vỡ nợ quốc gia                                                                                    |
| <b>II</b>    | <b>Các rủi ro bên ngoài</b>                                                                       |
| 11.          | Triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu xấu đi                                                    |
| 12.          | Các điều chỉnh trong chính sách tiền tệ của NHTW tại các                                          |

| <b>Mã số</b> | <b>Tên các rủi ro</b>                                                                                     |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              | nền kinh tế lớn (FED, ECB...)                                                                             |
| 13.          | Căng thẳng địa chính trị (chiến tranh Nga-Ukraina, Hamas-Israel, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung Quốc...) |
| 14.          | Chính sách thuế quan của Hoa Kỳ                                                                           |
| 15.          | An ninh lương thực toàn cầu                                                                               |
| 16.          | Chuỗi cung ứng toàn cầu gián đoạn                                                                         |
| 17.          | Biến đổi khí hậu                                                                                          |
| 18.          | An ninh mạng                                                                                              |
| 19.          | Trí tuệ nhân tạo                                                                                          |
| 20.          | Tài sản mã hóa                                                                                            |
| 21.          | Rủi ro khác: ghi cụ thể                                                                                   |

**Bảng 2: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG XẢY RA CÚ SỐC KHỦNG HOẢNG**

| Nhóm tiêu chí                                  | Tiêu chí cụ thể                      | Thấp                 | Khá thấp                 | Trung bình        | Khá cao                                   | Cao                          |
|------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------------------------|------------------------------|
| <b>1. Mức độ &amp; tính chất rủi ro</b>        | <b>Tính chất rủi ro</b>              | Rủi ro thấp, cục bộ  | Rủi ro bắt đầu xuất hiện | Rủi ro tích tụ    | Rủi ro tích tụ rõ, mang tính hệ thống hơn | Rủi ro hệ thống nghiêm trọng |
|                                                | <b>Phạm vi ảnh hưởng</b>             | Hẹp                  | Một số khu vực           | Nhiều khu vực     | Phân lớn hệ thống                         | Toàn hệ thống                |
| <b>2. Lan truyền rủi ro</b>                    | <b>Lan truyền rủi ro</b>             | Không có             | Rất hạn chế              | Bắt đầu xuất hiện | Rõ rệt giữa các khu vực                   | Diện rộng, khó kiểm soát     |
| <b>3. Chỉ tiêu an toàn tài chính</b>           | <b>Thanh khoản</b>                   | Ổn định              | Ổn định, áp lực nhẹ      | Áp lực tăng       | Căng thẳng cục bộ                         | Căng thẳng diện rộng         |
|                                                | <b>An toàn vốn</b>                   | Được đảm bảo         | Suy giảm nhẹ             | Suy giảm rõ       | Suy giảm rõ rệt                           | Suy giảm nghiêm trọng        |
|                                                | <b>Chất lượng tài sản</b>            | Ổn định              | Áp lực nhẹ               | Suy giảm          | Suy giảm mạnh                             | Suy giảm nghiêm trọng        |
| <b>4. Kinh tế vĩ mô</b>                        | <b>Tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá</b> | Ổn định trong dự báo | Biến động nhẹ            | Biến động rõ hơn  | Biến động mạnh                            | Cú sốc vĩ mô                 |
|                                                | <b>Mức độ bất định</b>               | Thấp                 | Thấp – trung bình        | Trung bình        | Cao                                       | Rất cao                      |
| <b>5. Niềm tin thị trường &amp; chính sách</b> | <b>Niềm tin thị trường</b>           | Cao                  | Cơ bản ổn định           | Dao động          | Suy giảm                                  | Suy giảm mạnh                |
|                                                | <b>Dự địa chính sách</b>             | Dồi dào              | Còn                      | Thu hẹp dần       | Hạn chế                                   | Rất hạn chế                  |

**Bảng 3: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ỔN ĐỊNH CỦA HỆ THỐNG TÀI CHÍNH**

| <b>Tiêu chí đánh giá</b>                                                | <b>Rất ổn định</b>                                                                                    | <b>Ổn định</b>                                                      | <b>Bình thường</b>                                              | <b>Kém ổn định</b>                               | <b>Rất kém ổn định</b>                                      |
|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| <b>1. Khả năng chống chịu trước các cú sốc trong và ngoài nước</b>      | Có khả năng hấp thụ hiệu quả các cú sốc lớn mà không gây gián đoạn chức năng của thị trường tài chính | Có thể hấp thụ các cú sốc thông thường, không gây gián đoạn đáng kể | Chống chịu ở mức vừa phải; dễ bị tổn thương hơn nếu cú sốc mạnh | Cú sốc có thể nhanh chóng gây ảnh hưởng lan rộng | Ngay cả cú sốc nhỏ cũng có thể gây mất ổn định nghiêm trọng |
| <b>2. Mức độ và tính chất rủi ro trong hệ thống tài chính</b>           | Rủi ro ở mức thấp, mang tính cục bộ, không hình thành rủi ro hệ thống                                 | Rủi ro chủ yếu mang tính cục bộ                                     | Rủi ro xuất hiện tại nhiều khu vực của hệ thống                 | Rủi ro gia tăng, mang tính hệ thống hơn          | Rủi ro mang tính hệ thống nghiêm trọng                      |
| <b>3. Mức độ lan truyền rủi ro giữa các khu vực</b>                     | Không có dấu hiệu lan truyền rủi ro                                                                   | Lan truyền rủi ro còn hạn chế                                       | Lan truyền rủi ro tiềm ẩn                                       | Lan truyền rủi ro rõ rệt                         | Lan truyền mạnh, trên diện rộng, khó kiểm soát              |
| <b>4. Các chỉ tiêu an toàn tài chính và kinh tế vĩ mô</b>               | Duy trì ở mức rất tốt và ổn định trong thời gian dài                                                  | Nhìn chung được duy trì ổn định                                     | Duy trì nhưng có xu hướng suy giảm                              | Có biểu hiện suy yếu rõ rệt                      | Suy giảm nghiêm trọng trên diện rộng                        |
| <b>5. Vốn, thanh khoản và chất lượng tài sản của hệ thống tài chính</b> | Bộ đệm vốn và thanh khoản dày, an toàn cao                                                            | Được đảm bảo                                                        | Bộ đệm mỏng                                                     | Chịu áp lực lớn                                  | Mất cân đối nghiêm trọng                                    |
| <b>6. Trạng thái vận hành của hệ thống tài chính</b>                    | Vận hành thông suốt                                                                                   | Vận hành tương đối thông suốt                                       | Xuất hiện các biến động đáng kể                                 | Chịu tác động tiêu cực                           | Bị gián đoạn nghiêm trọng                                   |

| <b>Tiêu chí đánh giá</b>                        | <b>Rất ổn định</b>        | <b>Ổn định</b>       | <b>Bình thường</b>   | <b>Kém ổn định</b> | <b>Rất kém ổn định</b> |
|-------------------------------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|------------------------|
| <b>7. Niềm tin của nhà đầu tư và công chúng</b> | Ở mức cao                 | Cơ bản được giữ vững | Có xu hướng dao động | Suy giảm           | Suy giảm nghiêm trọng  |
| <b>8. Dự trữ chính sách tiền tệ và tài khóa</b> | Còn dự trữ lớn để ứng phó | Vẫn còn dự trữ       | Bắt đầu thu hẹp      | Thu hẹp đáng kể    | Rất hạn chế            |